

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2023

V/v “ Xin ly hôn ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Minh Tùng;

2/ Bà Ngô Thị Phương Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Không Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Dương Thị Tuyết N, sinh năm 1996 (*Xin xét xử vắng mặt*).

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Đỗ Tuấn A, sinh năm 1990 (*Vắng mặt lần 2*).

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Đỗ Tuấn Th, sinh ngày 15/3/2013 (*Xin xét xử vắng mặt*)

Giám hộ cho cháu Th là bà N – Mẹ ruột

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Hôn nhân của chị và anh Đỗ Tuấn A là do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu gần 01 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có

đăng ký kết hôn ngày 12/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Sau khi cưới thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh A ham chơi không chăm lo cho vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi từ đó hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị và anh A đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh, chị không ai hàn gắn tình cảm gặp nhau chỉ cự cãi. Nay chị không còn tình cảm với anh A nên chị xin được ly hôn với anh A.

Về con: Quá trình chung sống chị và anh A có 01 con chung tên Đỗ Tuấn Th, sinh ngày 15/3/2013. Từ khi ly thân cháu sống với chị đến ngày 03/8/2022 thì cháu về sống với anh A cho đến nay. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu Thịnh cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Hôn nhân của anh và chị N đúng là do quen biết, có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Thời gian đầu hôn nhân rất hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh thiếu nợ bên ngoài và có về yêu cầu chị N đưa tiền để trả nợ nhưng chị N không chịu đưa tiền cho anh trả nợ nên vợ, chồng có cự cãi nhau. Anh có đi chơi với bạn bè nhưng vẫn lo làm việc để chăm lo cho cuộc sống gia đình, nhưng chị N giận tự ý bỏ nhà đi và sống ly thân đầu năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh đã nhiều lần đi tìm chị N để hàn gắn tình cảm nhưng chị N không tạo điều kiện. Nay anh còn tình cảm với chị N và mong muốn vợ, chồng hàn gắn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N là có 01 con chung là cháu Đỗ Tuấn Th, sinh ngày 15/3/2013. Khi chị N bỏ đi năm 2021 có mang theo cháu Thịnh, nhưng đến ngày 03/8/2022 thì cháu về sống với anh cho đến nay. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh A.

Về con, giao cháu Th cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh A có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Dương Thị Tuyết N vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Đỗ Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Đỗ Tuấn Th vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của chị N và anh A là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị N nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh A ham chơi không chăm lo cho vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị và anh A đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh, chị không ai hàn gắn được tình cảm gặp nhau chỉ cự cãi. Nay chị không còn tình cảm với anh A nên chị xin được ly hôn với anh Anh. Còn anh A thì cho rằng nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do anh thiếu nợ bên ngoài nên anh có yêu cầu chị N phụ anh trả nợ nhưng chị N không đưa tiền cho anh trả nợ nên vợ, chồng cự cãi nhau. Anh A thừa nhận anh có đi chơi với bạn bè nhưng vẫn lo làm việc để chăm lo cho cuộc sống gia đình, chứ không bỏ bê vợ con nhưng chị N giận tự ý bỏ nhà đi và sống ly thân đầu năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh đã nhiều lần đi tìm chị N để hàn gắn tình cảm nhưng chị N không tạo điều kiện. Nay anh còn tình cảm với chị N và mong muốn vợ, chồng hàn gắn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh A đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, nhưng anh A đều vắng mặt cho thấy anh A bỏ mặc quan hệ hôn nhân, không mong muốn được hòa giải đoàn tụ với chị N. Nếu duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả chị N và anh A nên Hội

đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh A.

[3] Về con: Nguyên, bị đơn có 01 con chung là cháu Đỗ Tuấn Th, sinh ngày 15/4/2013. Hiện cháu Th đang do anh A chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N và anh A thống nhất giao cháu Th cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo sự phát triển bình thường, không làm sáo trộn đời sống của con chung, hơn nữa cháu Th cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5 , 6, 28, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị Tuyết N được ly hôn với Anh Đỗ Tuấn A.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Tuấn Th, sinh ngày 15/4/2013 cho anh Đỗ Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, chị Dương Thị Tuyết N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Dương Thị Tuyết N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006478 ngày 03/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên chị N không phải nộp thêm án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện V;
- Chi THA dân sự huyện V;
- UBND xã thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía

